

ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP HCM

HỌC PHẦN THUẾ



CHƯƠNG 4

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

VALUE ADDED TAX

GVGD: NGUYỄN ĐẶNG HẢI YẾN

Ngày T7/2020

MỤC TIÊU



- Hiểu được những vấn đề liên quan đến thuế GTGT: khái niệm, lịch sử hình thành và quá trình phát triển thuế GTGT.
- Nắm được những quy định hiện hành.
- Lý giải được tại sao thuế GTGT có vai trò lớn đối với NSNN
- Vận dụng giải thích được chính sách thuế của nhà nước thông qua việc sử dụng thuế GTGT.

VĂN BẢN LUẬT QUY ĐỊNH



- Văn bản hợp nhất Luật thuế GTGT số 01/VBHN -VPQH ngày 28/04/2016.
- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BTC nghị định, ngày 21/10/2016.
- Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BTC Thông tư ngày 5/8/2018.
- Một số văn bản liên quan đến hóa đơn chứng từ.

NỘI DUNG



I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

- Khái niệm.
- Quá trình hình thành và phát triển.
- Vai trò của thuế giá trị gia tăng.

II. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG HIỆN HÀNH TẠI VIỆT NAM.

III. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ở MỘT SỐ QUỐC GIA KHÁC.

IV. CẢI CÁCH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

4.1.1. KHÁI NIỆM

Là loại thuế gián thu tính trên **khoản giá trị tăng thêm** của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong tất cả các quá trình từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng cuối cùng.

Tên gọi

- Việt Nam: Thuế GTGT
- Anh: Value Added Tax (VAT)
- Mỹ: Sales Tax



4.1.1. KHÁI NIỆM



Thuế GTGT có nhiều tên gọi khác nhau, chia làm 4 nhóm:

- Nhóm 1: Thuế GTGT (Value Added Tax – VAT; La Taxe sur la Valeur Ajoutée – TVA): Thuế GTGT đánh vào nhiều giai đoạn khác nhau của quá trình sản xuất dựa trên phần GTGT của HHDV qua từng giai đoạn.
- Nhóm 2: Thuế HHDV hay thuế hàng hóa (Goods and Services Tax – GST): Thuế GTGT đánh vào hầu hết các HHDV được sản xuất và tiêu dùng trong nước.
- Nhóm 3: Thuế doanh thu (Sales Tax, Turnover Tax, Revenue Tax): Tiền thuế GTGT được xác định dựa vào doanh số bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
- Nhóm 4: Thuế tiêu dùng (Consumption Tax): Thuế GTGT đánh vào việc tiêu dùng các HHDV

Thuế GTGT đánh vào hàng hóa qua các giai đoạn.				
VAT = 10%	Net Price	VAT input	Vat output	Vat Payable
Producer of raw materials				
Purchase	0	0		
Sale	80		8	8
Added Value (GTGT)	80			
Manufacturer				
Purchase	80	8		
Sale	200		20	12
Added Value (GTGT)	120			
Wholesaler				
Purchase	200	20		
Sale	240		24	4
Added Value (GTGT)	40			
Retailer				
Purchase	240	24		
Sale	320		32	8
Added Value (GTGT)	80			
Total VAT				32

ĐẶC ĐIỂM



- Là loại thuế tiêu dùng, đánh vào hàng hoá, dịch vụ.
- Là loại thuế gián thu quan trọng, đánh vào việc tiêu thụ hàng hoá và sử dụng dịch vụ => người tiêu dùng cuối cùng (người mua) là người chịu thuế, doanh nghiệp (người bán) là người nộp thuế cho NSNN.
- Tính toán dựa trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá và dịch vụ.
- Đánh vào các giai đoạn của quá trình sản xuất, kinh doanh => tổng số tiền thuế thu được ở các giai đoạn sẽ bằng với số tiền thuế tính theo giá bán (chưa thuế) cho người tiêu dùng cuối cùng.

ĐẶC ĐIỂM



- Thuế GTGT còn có tính trung lập kinh tế cao.
 - Không chịu ảnh hưởng bởi KQKD của người nộp thuế, không phải là yếu tố chi phí mà chỉ đơn thuần là một khoản cộng thêm vào giá bán.
- Thuế GTGT không bị ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế.
 - Phần giá trị mới được xác định bằng chênh lệch giữa tổng giá trị sản xuất và tiêu thụ với tổng giá trị HHDV mua vào, tương ứng tổng GTGT ở tất cả các giai đoạn luân chuyển (có giá trị bằng giá bán của sản phẩm ở giai đoạn cuối cùng) nên việc thu thuế trên GTGT ở từng giai đoạn đảm bảo cho tổng số thuế thu được tương đương với số thuế tính trên giá bán trong giai đoạn cuối cùng. Do đó quá trình tổ chức kinh tế và phân chia các chu trình kinh tế có diễn ra dài ngày hay ngắn như thế nào đi nữa thì thuế GTGT cũng không bị ảnh hưởng.

4.1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH



- Thuế Giá trị gia tăng là loại thuế gián thu ra đời và phát triển trên cơ sở của thuế Doanh thu.
- Thuế Giá trị gia tăng được áp dụng đầu tiên tại Pháp năm 1954, sau đó đến các quốc gia thuộc khối liên minh Châu Âu & Canada, Nhật.
- Hiện nay đã và đang có 145 quốc gia đang áp dụng hệ thống thuế giá trị gia tăng nhưng với các ký hiệu khác nhau.
- Ở Mỹ không có thuế GTGT nhưng có thuế Doanh thu, tương tự thuế GTGT ở nước ta.

4.1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH



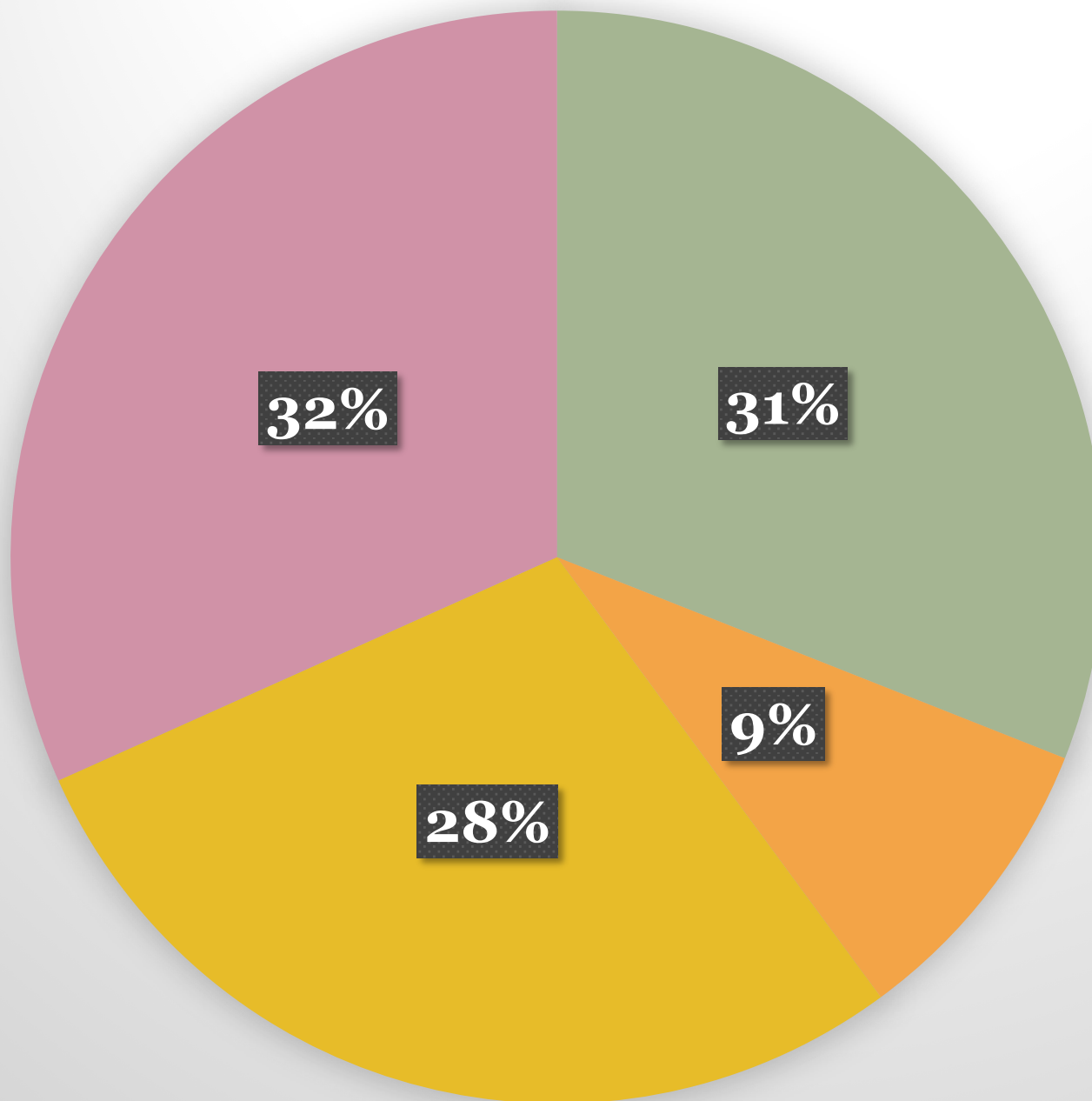
Ở Việt Nam, quá trình phát triển thuế giá trị gia tăng như sau:

- Năm 1990: Luật thuế DT ra đời, được sửa đổi bổ sung qua hai năm 1993 và 1995
- Năm 1997: Luật thuế Giá trị gia tăng ra đời vào ngày 10/05/1997 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1999.
- Năm 2003, 2005: Ban hành luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế Giá trị gia tăng 1997.
- Năm 2008: Ban hành Luật thuế Giá trị gia tăng mới.
- Năm 2013, 2014, 2016: ban hành luật sửa đổi, bổ sung luật thuế Giá trị gia tăng và các luật thuế.

4.1.2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH



Số / Ký hiệu	Ngày BH	Trích yếu
106/2016/QH13	06/04/2016	Luật thuế GTGT
71/2014/QH13	26/11/2014	Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật thuế GTGT
70/2014/QH13	26/11/2014	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế
31/2013/QH13	19/06/2013	Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật thuế GTGT
13/2008/QH12	12/06/2008	Luật thuế GTGT
57/2005/QH11	09/12/2005	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của thuế TTĐB, GTGT
07/2003/QH11	26/06/2003	Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật thuế GTGT
57/CTN/1997	01/01/1997	Luật thuế GTGT
43/L/CTN	09/11/1995	Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật thuế doanh thu
40/L/CTN	05/07/1993	Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật thuế doanh thu



■ Thuế GTGT

■ Thuế TNCN

■ Thuế TNDN

■ Thuế khác

4.1.3. VAI TRÒ



❑ VAI TRÒ.

- Tạo nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước.
- Thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông hàng hóa, đẩy mạnh và khuyến khích hoạt động xuất khẩu, bảo hộ sản xuất kinh doanh
- Góp phần tạo cơ chế tự kê khai, quyết toán và tự kiểm soát của người nộp thuế nhằm hạn chế tối đa các hiện tượng trốn thuế, giảm thất thu thuế và kiểm soát hiệu quả nguồn thu của Ngân sách nhà nước.

4.1.3. VAI TRÒ



□ VAI TRÒ.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp hoàn thiện bộ máy kế toán, tăng cường nâng cao hiệu quả công tác hạch toán kế toán, và thúc đẩy việc mua bán hàng hóa dịch vụ phải có đầy đủ hóa đơn chứng từ.
- Việc khấu trừ tiền thuế Giá trị gia tăng đầu vào góp phần tạo điều kiện thúc đẩy cho việc đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa và chuyên môn hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm.

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Mẫu số : 02GTTT3/001

Ký hiệu : AA/11P

Số :

Liên 1: Lưu

Ngày..... tháng..... năm 20.....

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY**

Mã số thuế :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Website :

Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :

Tên đơn vị :

Địa chỉ :

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán :

MST :

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
Kế Toán Thiên Ưng					

Cộng tiền bán hàng hóa, dịch vụ :

Số tiền viết bằng chữ :

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Sáng Tạo Trẻ, Mã số thuế: 0302288539 - ĐT: (08) 38 685918 - 01234.313131

4.2. LUẬT THUẾ GTGT HIỆN HÀNH



4.2.1. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ

4.2.2. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ

4.2.3. NGƯỜI NỘP THUẾ

4.2.4. CĂN CỨ TÍNH THUẾ

4.2.5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

4.2.6. HOÀN THUẾ

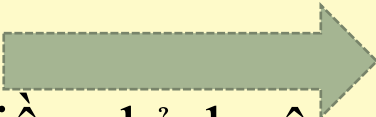
4.2.7. KÊ KHAI, NỘP THUẾ

4.2.1. ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ



- Sản xuất.
- Nhập khẩu.

phạm vi
điều chỉnh rộng



Là hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa dịch vụ mua vào của tổ chức, cá nhân nước ngoài)

4.2.2. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ



- Là các hàng hóa dịch vụ thuộc diện được khuyến khích sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Thông thường là các sản phẩm trồng trọt, giống vật nuôi, dịch vụ y tế, thú y, bưu chính viễn thông, giáo dục
- Gồm có 25 đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng , chia làm 6 nhóm:

4.2.2. ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ



1. Nhóm sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ đầu của sản xuất nông nghiệp.
2. Nhóm hàng hóa, dịch vụ theo cam kết quốc tế.
3. Nhóm hàng hóa dịch vụ xã hội.
4. Nhóm hàng hóa dịch vụ theo thông lệ quốc tế.
5. Nhóm hàng hóa dịch vụ mà người kinh doanh có thu nhập thấp.
6. Nhóm hàng hóa dịch vụ khác.

NHÓM 1: NÔNG NGHIỆP – ĐẦU VÀO NN



1. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua **sơ chế thông thường** của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.
2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền.
3. Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm NN.
4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt.

NHÓM 2: CAM KẾT QUỐC TẾ



17. Máy móc thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần được nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dụng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần được nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt.

- Tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho Sản xuất kinh doanh...

4.2. LUẬT THUẾ GTGT HIỆN HÀNH



19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam theo mức qui định của Chính phủ; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao, hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế.

- Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo...

NHÓM 3: LÝ DO XÃ HỘI



7. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm người học, bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và tái bảo hiểm.

9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật (bao gồm cả chăm sóc về y tế, dinh dưỡng và tổ chức các hoạt động văn hoá...)

10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ.

11. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ.

NHÓM 3: LÝ DO XÃ HỘI



12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng...

13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật.

14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn với NSNN

15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học – kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử, tiền, in tiền.

16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện.

NHÓM 4: THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ



8. Dịch vụ cấp tín dụng; kinh doanh chứng khoán; chuyển nhượng vốn; dịch vụ tài chính phái sinh, bao gồm hoán đổi lãi suất, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, quyền chọn mua bán ngoại tệ và các dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định.

20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt nam; hàng tạm nhập, tái xuất khẩu, hàng tạm xuất khẩu tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.

NHÓM 5: LÝ DO KHÁC



5. Nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.

6. Chuyển quyền sử dụng đất.

18. Vũ khí, khí tài nguyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

21. Chuyển giao công nghệ theo qui định của Luật chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo qui định của Luật sở hữu trí tuệ, phần mềm máy tính.

22. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.

NHÓM 4: THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ



23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác, sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.

24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh, nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người tàn tật.

NHÓM 6: THU NHẬP THẤP

25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức thu nhập bình quân hàng năm thấp hơn mức lương tối thiểu (thu nhập dưới 100 triệu)chung áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp trong nước theo quy định của Chính phủ.



**Đối tượng
Chịu thuế**

Đối tượng giảm thuế; đối tượng miễn thuế; đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi thuế với mức thuế suất thấp hoặc bằng 0%.

Tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.

Được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào của các HHDV đã sử dụng cho việc SXKD các HHDV thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

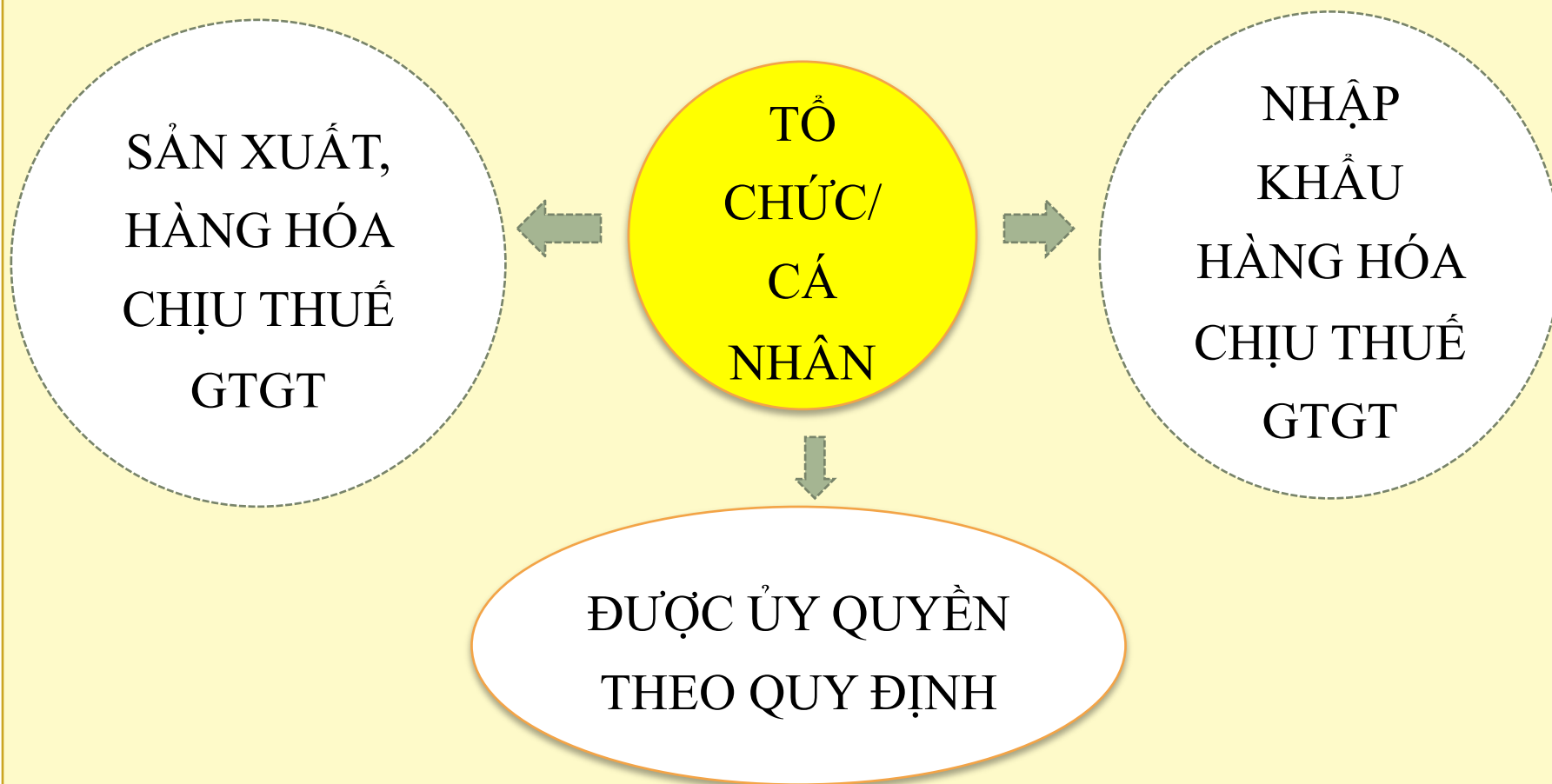
**Đối tượng
không chịu thuế**

Không tính tiền thuế GTGT

Không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào của các HHDV đã sử dụng cho việc SXKD các HHDV thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

4.2. LUẬT THUẾ TTĐB HIỆN HÀNH

4.2.3. NGƯỜI NỘP THUẾ.





P THUẾ

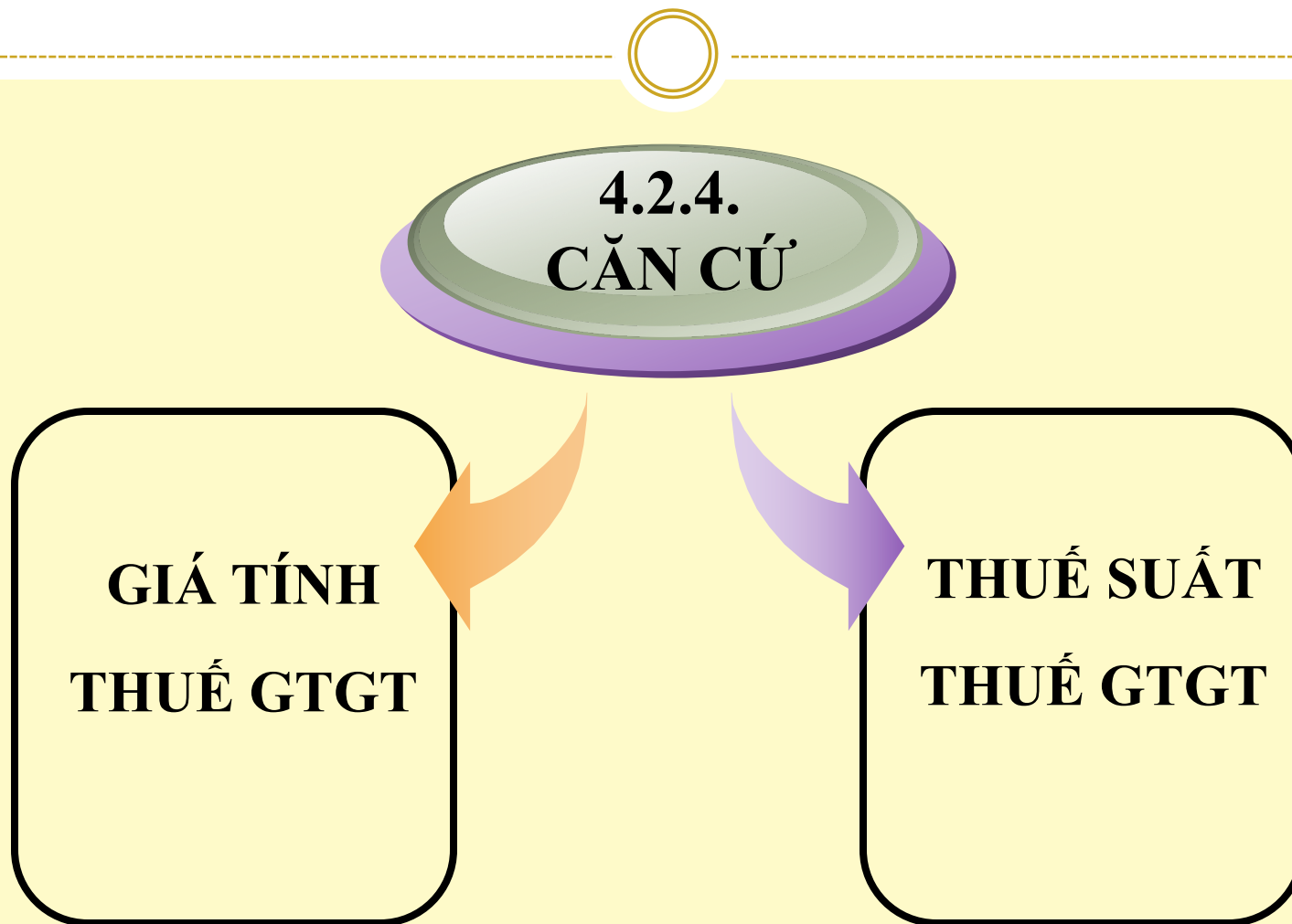
h (cơ sở kinh doanh) hàng

nhập khẩu) hàng hóa chịu

nh tại Việt Nam mua dịch

vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân mua dịch vụ là người nộp thuế.

4.2.4. CĂN CỨ TÍNH THUẾ



GIÁ TÍNH THUẾ



1. Hàng hóa dịch vụ được sản xuất trong nước.
2. Hàng hóa nhập khẩu.
3. Hàng hóa trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu tặng.
4. Hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm.
5. Hàng hóa gia công.
6. Hoạt động cho thuê tài sản.
7. Hoạt động kinh doanh bất động sản.
8. Hoạt động đại lý, môi giới hoa hồng.
9. Hàng hóa dịch vụ sử dụng chứng từ thanh toán.

**GIÁ
TÍNH
THUẾ**

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với hàng hóa dịch vụ được sản xuất trong nước: Giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra, chưa có thuế GTGT cộng (+) các khoản phụ thu và phí thêm ngoài giá bán.

Giá tính
thuế

=

Giá bán
chưa có
VAT

+

Khoản thu,
phí thu thêm
ngoài giá bán
HHDV

—

Các khoản
phụ thu, phí
phải nộp cho
NSNN

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với hàng hóa nhập khẩu: Là giá tính thuế nhập khẩu cộng với các loại thuế ở khâu nhập khẩu

Giá tính
thuế

=

Giá
nhập
khẩu

+

Thuế nhập
khẩu thực
nộp

+

Thuế
BVMT,
Thuế TTĐB
(nếu có)

VÍ DỤ 1



Doanh nghiệp XYZ nhập khẩu 1,000 chai rượu 40 độ giá chưa có thuế TTĐB là 300,000 đồng/chai, thuế suất thuế TTĐB là 50%.

Yêu cầu: Xác định giá tính thuế GTGT của 01 chai rượu đó là bao nhiêu?

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với hàng hóa dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu tặng, cho trả thay lương cho người lao động: Giá tính thuế là giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

- HHDV tiêu dùng nội bộ là HHDV do CSKD sản xuất hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng, không bao gồm HHDV sử dụng để tiếp tục cho quá trình kinh doanh, không tính thuế GTGT

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với hoạt động cho thuê tài sản: Số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT.

- Trường hợp trả tiền thuê theo từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì GTT là tiền cho thuê theo từng kỳ, trả trước cho thời hạn thuê chưa có GTGT.

Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm:
Giá tính thuế là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, trả chậm.

VÍ DỤ 2



Công ty XYZ kinh doanh xe gắn máy, trong tháng 4/201x có số liệu sau: Bán xe theo phương thức trả góp 3 tháng, giá bán trả góp chưa có thuế GTGT là 30.3 triệu đồng/xe (trong đó giá bán xe là 30 triệu đồng/xe, lãi trả góp 3 tháng là 0.3 triệu). Trong tháng 4/201x, thu được 10.1 triệu đồng.

Yêu cầu: Xác định Giá tính thuế GTGT của một chiếc xe gắn máy là bao nhiêu?

VÍ DỤ 3



Công ty A nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ có hợp đồng cho công ty B thuê văn phòng từ đầu năm 2009 đến hết năm 2014 với giá chưa có thuế GTGT là 150 triệu đồng/năm. Hai bên thỏa thuận rằng công ty A thu trước toàn bộ số tiền cho thuê theo hợp đồng ngay khi ký kết hợp đồng.

Yêu cầu: Xác định Doanh thu tính thuế GTGT tại công ty A trong trường hợp này sẽ là bao nhiêu?

GIÁ TÍNH THUẾ



Hàng hóa gia công: Giá tính thuế là giá gia công theo hợp đồng gia công chưa có thuế GTGT, bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hoá.

Hoạt động xây dựng, lắp đặt: Giá tính thuế là giá công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt có/**không có** bao thầu nguyên vật liệu: Giá tính thuế là giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả/**không bao gồm** giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT.

VÍ DỤ 4



Doanh nghiệp A nhận gia công hàng hoá cho doanh nghiệp B với các thông tin cụ thể như sau:

- Tiền công (chưa có thuế GTGT) DN B trả cho DN A là 40 triệu đồng.
- Nhiên liệu, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ gia công hàng hoá do DN A mua (chưa có thuế GTGT) theo yêu cầu trong hợp đồng gia công: 110 triệu đồng.
- Nguyên liệu chính do DN B cung cấp (chưa có thuế GTGT) 240 triệu đồng.

Yêu cầu: Xác định giá tính thuế GTGT của hợp đồng gia công trong trường hợp này?"

GIÁ TÍNH THUẾ



Hoạt động đại lý, môi giới mua bán HHDV, ủy thác XNK hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng: Giá tính thuế là tiền công, tiền hoa hồng thu được chưa có thuế GTGT.

HHDV được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT, thì giá chưa có VAT được xác định

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá chưa có} & & \text{Giá thanh toán (tiền vé tem...)} \\ \text{VAT} & = & \hline & & 1 + \text{Thuế suất VAT} \end{array}$$

GIÁ TÍNH THUẾ



Hoạt động kinh doanh bất động sản: Giá tính thuế là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất hoặc giá thuê đất tại thời điểm chuyển nhượng.

- Trường hợp giá đất hoặc giá thuê đất không có căn cứ xác định thì được tính theo giá đất do UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW quy định tại thời điểm chuyển nhượng.

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với dịch vụ Casino, trò chơi có thưởng, kinh doanh giải trí đặt cược: Giá tính thuế là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm thuế TTĐB trừ (-) số tiền trả thưởng.

Đối với vận tải, bốc xếp: Giá tính thuế là giá cước chưa có thuế không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải, bốc xếp hay thuê lại

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành: Hợp đồng ký theo giá trọn gói thì giá trọn gói là giá đã bao gồm thuế GTGT.

- Trường hợp giá trọn gói gồm: vé máy bay đi từ nước ngoài vào VN và ngược lại, ăn nghỉ, tham quan và một số khoản chi khác, nếu có chứng từ hợp pháp được tính giảm trừ vào giá khi tính thuế GTGT

VÍ DỤ 5



Một công ty du lịch thực hiện một hợp đồng đưa khách du lịch Việt Nam sang Singapore thu theo giá trọn gói là 500 USD/1 người. Tuy nhiên công ty này phải trả cho đối tác là một công ty du lịch tại Hàn Quốc là 250 USD/ 1 người.

Yêu cầu: Xác định mức giá nào được sử dụng làm cơ sở để tính thuế GTGT cho 1 người?

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mãi: Giá tính thuế được xác định bằng 0.

- Trường hợp hàng hóa dịch vụ dùng để khuyến mãi nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu tặng.

GIÁ TÍNH THUẾ



Đối với dịch vụ cầm đồ: Số tiền phải thu từ dịch vụ này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ và khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ(nếu có) được xác định là giá đã có thuế GTGT.

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá chưa có} & & \text{Số tiền phải thu} \\ \text{VAT} & = & \text{-----} \\ & & 1 + \text{Thuế suất VAT} \end{array}$$

THUẾ SUẤT



Thuế suất thuế GTGT tại VN		Đối tượng áp dụng
10%	Thuế suất chuẩn	Đa số các HHDV được bán trong nước (hàng hóa thông thường)
5%	Thuế suất ưu đãi	Các HHDV phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu hàng ngày, phương tiện công cộng, y tế, các sản phẩm và dịch vụ nông nghiệp
0%	Thuế suất ưu đãi	Các HHDV phục vụ các hoạt động xuất khẩu, các thiết bị nông nghiệp, phân bón và thức ăn gia súc

THUẾ SUẤT 0%



Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT theo quy định khi xuất khẩu, *trừ các trường hợp:*

- Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra NN
- Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài;
- Dịch vụ cấp tín dụng ra nước ngoài;
- Chuyển nhượng vốn ra nước ngoài;
- Đầu tư chứng khoán ra nước ngoài;
- Dịch vụ tài chính phái sinh;
- Dịch vụ bưu chính, viễn thông;

THUẾ SUẤT 0%



Trừ các trường hợp: (tt)

- Sản phẩm xuất khẩu quy định tại Khoản 23, Điều 5 ĐTKTCT
- Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan.
- Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu.
 - Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là:
 - Hàng hoá, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan;
 - Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

THUẾ SUẤT 5%



- Nước sạch phục vụ sản xuất & sinh hoạt.
- Quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.
- Dịch vụ đào lấp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.
- Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến trừ sản phẩm quy định trong đối tượng không chịu thuế GTGT.

THUẾ SUẤT 5%



- Mũ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng & sợi để đan lưới đánh cá.
- Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến trừ gỗ, măng & các sản phẩm thuộc diện không chịu thuế.
- Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây & các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế, giấy in báo.
- Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường (gỉ đường, bã mía, bã bùn)
- Thiết bị dụng cụ y tế, bông, băng vệ sinh y tế, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, sản phẩm hoá dược

THUẾ SUẤT 5%



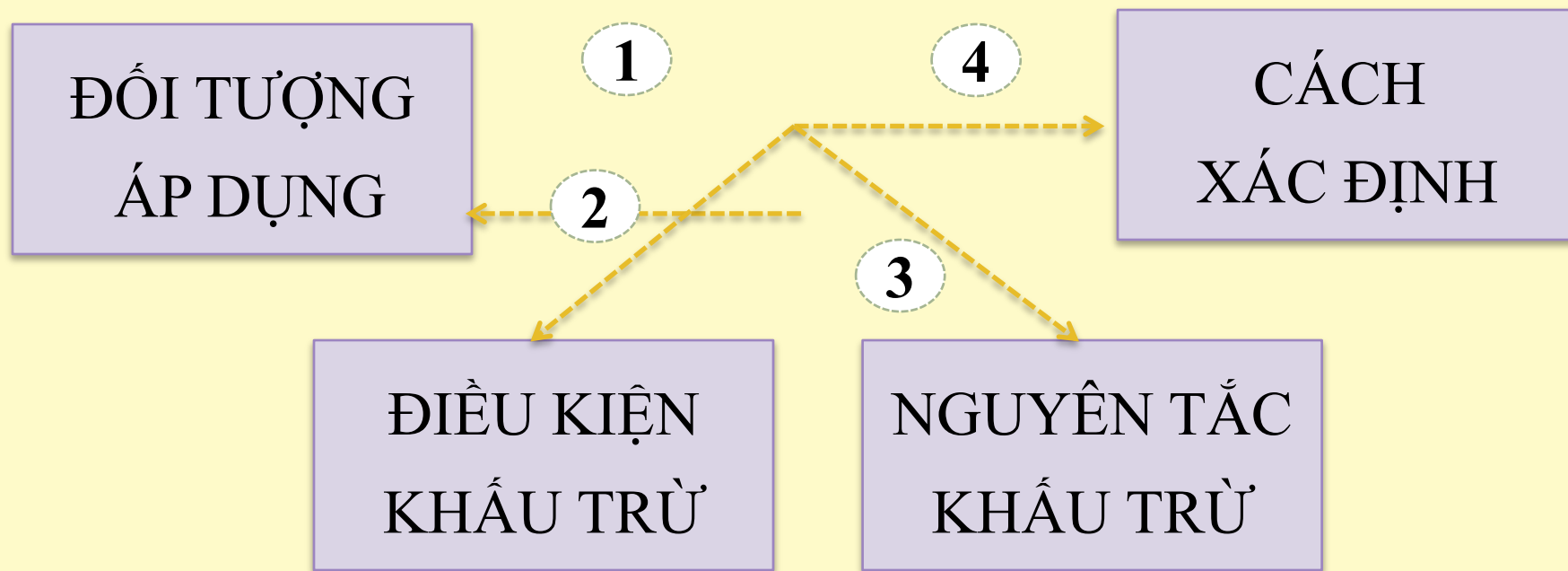
- Giáo cụ dùng để giảng dạy & học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, compa & các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.
- Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành & chiếu phim.
- Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại (trừ những loại quy định tại mục thuộc diện không chịu thuế).
- Dịch vụ khoa học & công nghệ theo quy định của Luật KHCN
- Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.

Quốc gia	TS thông thường	Thuế suất ưu đãi
Việt Nam	10%	0%, 5%
Thái Lan	7%	0%
Malaysia	10%	5%
Indonesia	10%	0%
Korea	10%	0%
China	17%	3%, 4%, 6%, 13%
UK	20%	0%, 5%
France	205	2,1%, 5%, 10%
Italya	21%	4%, 10%
Germany	19%	7%
Russian	18%	10%, 0%

4.2.5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ



PHƯƠNG PHÁP KHẨU TRỪ



ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG



Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ **chế độ kế toán**, hóa đơn, **chứng từ** theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:

- CSKD có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên trừ hộ, cá nhân kinh doanh.
- CSKD đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân kinh doanh



ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ



1. Có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu, đầy đủ
2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với HHDV mua vào bao gồm cả nhập khẩu có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên.
 - Ngoài ra khi bán hàng, DN phải tính & thu thuế GTGT, trên hóa đơn ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế GTGT & tổng số tiền người mua phải thanh toán. Nếu không phải là hoá đơn đặc thù mà trên hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán, thì VAT của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn, chứng từ.



CHỨNG TỪ THANH TOÁN QUA NH



Được hiểu là có chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Như séc, ủy nhiệm chi hoặc lệnh chi, ủy nhiệm thu, nhờ thu, thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng, sim điện thoại (ví điện tử) và các hình thức thanh toán khác theo quy định (bao gồm cả trường hợp bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua sang tài khoản bên bán mang tên chủ DNTN hoặc bên mua thanh toán từ tài khoản của bên mua mang tên chủ doanh nghiệp tư nhân sang tài khoản bên bán).



ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ



3. Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định trên còn phải có:

- Hợp đồng ký kết với bên nước ngoài, hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

4. Hàng hóa dịch vụ mua trả chậm, trả góp (giá trị trên 20 triệu đồng) sẽ được khấu trừ căn cứ vào:

- ✓ Hợp đồng mua bán, chứng từ qua ngân hàng.
- ✓ Ghi rõ thời hạn thanh toán và phần ghi chú .



ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ



5. Trường hợp mua HHDV của một nhà cung cấp có giá trị < 20 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng 1 ngày có tổng giá trị ≥ 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ nếu có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

6. HHDV mua vào theo phương thức thanh toán bù trừ giữa giá trị mua vào và bán ra, bù trừ công nợ, thanh toán ủy quyền qua bên thứ 3 thanh toán qua ngân hàng, khi thực hiện các hình thức trên nếu phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền ≥ 20 triệu đồng sẽ được khấu trừ thuế đầu vào nếu có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.



ĐIỀU KIỆN KHẤU TRỪ



Không được khấu trừ nếu hoá đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

- Hoá đơn không ghi thuế GTGT (*trừ trường hợp đặc thù dùng hoá đơn GTGT ghi giá đã có VAT*).
- Không ghi hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, người mua nên không xác định được người bán, người mua.
- Hoá đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hoá đơn bị tẩy xóa, hoá đơn không (*không có hàng hoá, dịch vụ kèm theo*)
- Hoá đơn ghi không đúng giá trị thực tế của hàng hoá dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi.



NGUYÊN TẮC KHẤU TRỪ



NGUYÊN TẮC 1.

KHẤU TRỪ
TOÀN BỘ

NGUYÊN TẮC 2.

ĐẦU RA KHÔNG
CHỊU THUẾ

NGUYÊN TẮC 3.

HẠCH TOÁN
RIÊNG



NGUYÊN TẮC KHẤU TRỪ



- Thuế GTGT đầu vào của HHDV dùng cho SXKD các HHDV chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của HHDV chịu thuế bị tổn thất
- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ
- Tiền thuế đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó.



NGUYÊN TẮC KHẤU TRỪ



Thuế GTGT đầu vào của HH, DV *sử dụng đồng thời* cho sản xuất, kinh doanh HH, DV *chịu thuế và không chịu thuế* thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của HH, DV sử dụng cho sản xuất, kinh doanh HH, DV chịu thuế GTGT.

– Cơ sở kinh doanh phải *hạch toán riêng* thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ;

– Trường hợp *không hạch toán riêng* được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của HH, DV chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu HH, DV bán ra;

VAT đầu
vào được
khấu trừ

=

Tổng VAT đầu
vào phát sinh
hạch toán chung

×

Doanh thu HHDV chịu thuế

Tổng doanh thu HHDV bán ra

NGUYÊN TẮC KHẤU TRỪ



- Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí được khấu trừ toàn bộ;
- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó.
 - Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.



NGUYÊN TẮC KHẤU TRỪ



- Thuế đầu vào của TSCĐ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế & không chịu thuế được khấu trừ toàn bộ.
 - TSCĐ là ô tô chở người < 9 chỗ ngồi (trừ ô tô sử dụng vào kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn) có giá trị > 1,6 tỷ đồng (chưa có VAT) thì VAT đầu vào tương ứng của phần giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ.



NGUYÊN TẮC KHẤU TRỪ



Thuế GTGT đầu vào của các tài sản sau không được khấu trừ:

- TSCĐ chuyên dùng phục vụ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ an ninh quốc phòng.
- TSCĐ, máy móc thiết bị của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, các bệnh viện, trường học.
- Tàu bay dân dụng, du thuyền không sử dụng phục vụ mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa, du lịch....

—————> TÍNH VÀO NGUYÊN GIÁ.

VÍ DỤ 6



Công ty A chuyên sản xuất hàng hóa, trong kỳ tính thuế có mua 1 xe ô tô 7 chỗ làm tài sản cố định, giá chưa có thuế GTGT là 2,5 tỷ đồng, thuế suất thuế GTGT là 10%.

Yêu cầu: Xác định số thuế VAT đầu vào công ty dự kiến sẽ được khấu trừ.

VÍ DỤ 7



Công ty A tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nhập khẩu rượu nước và sản xuất rượu đóng chai. Trong kỳ, công ty xuất bán rượu chai từ lô hàng rượu nước được nhập khẩu của kỳ trước, với giá bán thanh toán là 1.54 tỷ đồng. Rượu có thuế suất nhập khẩu 30%, thuế suất TTĐB 50%, thuế suất thuế GTGT 10%.

Yêu cầu: Xác định số thuế GTGT công ty phải nộp trong kỳ.

VÍ DỤ 8



Doanh nghiệp Bình Minh sản xuất 2 mặt hàng X, Y. X chịu thuế GTGT 10%, và Y không chịu thuế GTGT. Thuế GTGT của nguyên vật liệu mua để sản xuất X và Y là 5 triệu đồng, doanh nghiệp không hạch toán riêng được. Biết doanh thu bán ra chưa có thuế GTGT của X là 75 triệu đồng và của Y là 40 triệu đồng.

Yêu cầu:

1. Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ?
2. Thuế GTGT phải nộp



CÔNG THỨC XÁC ĐỊNH

VAT PHẢI
NỘP

=

THUẾ
GTGT ĐẦU
RA

-

VAT ĐẦU VÀO
ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Số VAT đầu
ra

=

Giá tính VAT của HHDV chịu
thuế bán ra

×

Thuế suất
VAT

Tổng số thuế GTGT của HH, DV bán ra ghi trên
hóa đơn GTGT

CÔNG THỨC XÁC ĐỊNH



VAT đầu vào được khấu trừ:

- Tổng số tiền thuế GTGT đầu vào của HHDV được dùng vào quá trình SXKD của HHDV chịu thuế GTGT thì DN được kê khai khấu trừ.
- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai khấu trừ khi xác định tiền thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã sử dụng hay còn đang tồn kho.
- Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

VÍ DỤ 9



Công ty sản xuất hàng may mặc K trong kỳ tính thuế có tình hình tiêu thụ Áo công sở như sau:

- Bán 100 áo cho DN J, giá bán chưa VAT là 100.000đ/áo.
- Bán 50 áo cho DN C, giá thanh toán 110.000đ/áo.
- Bán cho DN chế xuất 80 áo với giá 115.000đ/áo.

Yêu cầu:

Tính số thuế VAT đầu ra của Công ty K phải nộp. Biết rằng thuế suất thuế GTGT là 10%

VÍ DỤ 10



Công ty J sản xuất ti vi và chịu thuế GTGT là 10%:

- Trong kỳ công ty tiêu thụ 1.000 chiếc, giá thanh toán mỗi chiếc là 5,5 triệu đồng.
- Số thuế GTGT theo hóa đơn GTGT khi mua NVL trong kỳ là 200 triệu đồng.

Yêu cầu:

Tính số thuế số GTGT công ty J phải nộp. Biết rằng Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ và công ty đủ điều kiện được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

VÍ DỤ 11



Công ty M&N nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong kỳ mua vật tư với tổng giá thanh toán là 55 triệu đồng, thuế suất GTGT là 10% và được thanh toán qua ngân hàng. Phí vận chuyển thanh toán bằng tiền mặt 5.5 triệu đồng, thuế GTGT là 10%.

Yêu cầu: Xác định số tiền thuế đầu vào dự kiến sẽ được khấu trừ trong kỳ?

4.2. LUẬT THUẾ GTGT HIỆN HÀNH



4.2.5. PP TRỰC TIẾP – ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- ✓ Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ.
- ✓ Hộ, cá nhân kinh doanh.
- ✓ Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có doanh thu phát sinh tại VN chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn.
- ✓ Tổ chức kinh tế khác trừ trường hợp đăng ký pp khấu trừ

PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP



Áp dụng đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh, chế tác vàng bạc đá quý

$$\begin{array}{ccccc} \text{SỐ THUẾ} & & & & \\ \text{GTGT PHẢI} & = & \text{GIÁ TRỊ} & \times & \text{THUẾ SUẤT} \\ \text{NỘP} & & \text{GIA TĂNG} & & 10\% \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá trị gia tăng} & & & & \text{Giá thanh toán của} \\ \text{của hàng hóa,} & = & \text{của hàng hóa,} & - & \text{hàng hóa dịch vụ} \\ \text{dịch vụ} & & \text{dịch vụ bán ra} & & \text{mua vào tương ứng.} \end{array}$$

VÍ DỤ 12



Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng A trong kỳ tính thuế có doanh thu bán hàng theo giá bán có thuế GTGT là 600 triệu đồng, giá vốn của hàng bán ra theo giá mua có thuế GTGT là 460 triệu đồng.

Yêu cầu: Tính số thuế GTGT công ty phải nộp, biết rằng thuế suất thuế GTGT 10%.

PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP



Áp dụng đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh, chế tác vàng bạc đá quý

- Giá bán ra của vàng bạc, đá quý là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng.
- Giá mua vào của vàng bạc, đá quý được xác định bằng giá trị vàng bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế giá trị gia tăng dùng cho mua bán, chế tác vàng, bạc đá quý bán ra tương ứng

PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP



Áp dụng đối với doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh, chế tác vàng bạc đá quý

- Trường hợp trong kỳ tính thuế phát sinh **GTGT âm (-)** của vàng bạc, đá quý thì **được tính bù trừ** vào GTGT dương (+) của vàng bạc, đá quý.
- Trường hợp không có phát sinh GTGT dương (+) hoặc GTGT dương **không đủ bù trừ** GTGT âm (-) thì được **kết chuyển để trừ vào GTGT của kỳ sau trong năm**.
- Kết thúc năm dương lịch, GTGT âm (-) không được kết chuyển tiếp sang năm sau.

TRỰC TIẾP TRÊN DOANH THU



4.2.5. PP TRỰC TIẾP – TRỰC TIẾP TRÊN DOANH THU

$$\begin{array}{ccccc} \text{SỐ THUẾ GTGT} & = & \text{DOANH} & \times & \text{TỶ LỆ} \\ \text{PHẢI NỘP} & & \text{THU} & & \% \end{array}$$

Doanh thu là tổng số tiền bán HHDV ghi trên hóa đơn bán hàng bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.

- Trong trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ hóa đơn mua bán HHDV thì cơ quan thuế căn cứ vào tình hình kinh doanh để ấn định mức doanh thu tính thuế GTGT.

TRỰC TIẾP TRÊN DOANH THU



Áp dụng đối với doanh nghiệp sau:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm *dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng*, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định.
- Hộ cá nhân kinh doanh;
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ, (*trừ tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay*).
- Tổ chức kinh tế khác, *trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế theo quy định*.

TRỰC TIẾP TRÊN DOANH THU



Tỷ lệ (%) Giá trị gia tăng trên doanh thu do cơ quan thuế ấn định phù hợp với từng ngành nghề sau:

STT	LĨNH VỰC	TỶ LỆ
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa	1%
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu NVL	5%
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với HH, xây dựng có bao thầu NVL	3%
4	Hoạt động kinh doanh khác	2%

PHƯƠNG PHÁP KHOÁN



Đối tượng áp dụng:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kê toán, hoá đơn, chứng từ;
- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không có đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế.
- Cơ quan thuế căn cứ vào tài liệu kê khai của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, ý kiến của hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn để xác định mức thuế khoán.
- Mức thuế khoán được tính theo năm dương lịch.

PHƯƠNG PHÁP KHOẢN



- Đối tượng áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ.
- Doanh nghiệp siêu nhỏ (*đáp ứng từ mức cao nhất về tiêu chí*) phải thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế theo phương pháp kê khai.
- Cơ quan thuế căn cứ vào tài liệu kê khai của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, ý kiến của hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn để xác định mức thuế khoán

PHƯƠNG PHÁP KHOÁN



- Mức thuế khoán được tính theo năm dương lịch hoặc theo tháng đối với kinh doanh theo thời vụ.
- Mức thuế khoán phải được công khai.
- Người nộp thuế phải khai báo với cơ quan thuế nếu có thay đổi ngành, nghề, quy mô kinh doanh, tạm, ngừng kinh doanh.

VÍ DỤ 12



Hộ kinh doanh cá thể phân phối quần áo, trong tháng 4/2016, bán được 20 chiếc áo thun, có giá theo hóa đơn bán hàng là 200.000 đồng/áo . Hộ kinh doanh này không có căn cứ để xác định được giá trị đầu vào của sản phẩm bán ra trong kỳ.

Yêu cầu : Tính số thuế GTGT mà hộ kinh doanh cá thể này phải nộp.

4.2.6. HOÀN THUẾ



1. DN trong tháng có hoạt động xuất khẩu nếu có số tiền thuế GTGT đầu vào phát sinh từ 300 triệu đồng trở lên được xét hoàn thuế.

- DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nếu có số tiền thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số tiền thuế GTGT đầu ra phát sinh thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

- DN trong tháng/quý có hàng hóa XK nếu số tiền thuế GTGT đầu vào của HH được XK chưa được khấu trừ \geq 300 triệu VND thì được hoàn thuế; ngược lại thì được tiếp tục khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

4.2.6. HOÀN THUẾ



2. DN có dự án đầu tư mới cùng tỉnh thực hiện kê khai riêng với dự án đầu tư và phải kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư mới để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động SXKD đang thực hiện.

- Số tiền thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp của hoạt động SXKD trong kỳ của DN.
- Sau khi bù trừ nếu số tiền thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết ≥ 300 triệu VND thì được xem xét hoàn thuế GTGT; ngược lại kết chuyển vào số thuế GTGT đầu vào cho kỳ kê khai tiếp.

4.2.6. HOÀN THUẾ



DN được kết chuyển số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ của dự án đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp sau:

- DAĐT của không góp đủ vốn điều lệ như đã đăng ký; KD ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các ĐKKD theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ ĐKKD trong quá trình hoạt động.
- DAĐT khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01/07/2016 hoặc DAĐT sản xuất SPHH mà tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với CPNL chiếm $\geq 51\%$ tổng giá thành SP

4.2.6. HOÀN THUẾ



Nếu DN trong tháng/quý vừa có HHDV được xuất khẩu vừa có HHDV được bán ra trong nước thì phải hạch toán riêng số tiền thuế GTGT đầu vào sử dụng cho hoạt động SXKD các HHDV được xuất khẩu.

Nếu DN không hạch toán riêng được thì số tiền thuế GTGT đầu vào của HHDV xuất khẩu được hoàn xác định theo tỷ lệ doanh thu, được xác định bằng công thức sau:

4.2.6. HOÀN THUẾ



Tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong tháng	=	Thuế GTGT đầu vào của kỳ trước chuyển sang	+	Thuế GTGT đầu vào phục vụ cho HHDV đầu ra bán ra trong nước và xuất khẩu phát sinh trong tháng
Số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của tháng	=	Thuế GTGT đầu ra của dịch vụ bán trong nước	-	Tổng số thuế đầu vào được khấu trừ phát sinh trong tháng
Số thuế GTGT đầu vào của HHXK	=	Số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của tháng	X	Doanh thu xuất khẩu/Tổng doanh thu HHDV chịu thuế

4.2.6. HOÀN THUẾ



3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo PP khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, chia, tách, giải thể phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

4. Người nước ngoài, người VN định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại VN mang theo người khi xuất cảnh.

4.2.6. HOÀN THUẾ



5. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua HHDV tại VN để sử dụng được hoàn thuế GTGT đã trả ghi trên hóa đơn GTGT hoặc trên chứng từ thanh toán

6. Các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.

7. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế GTGT của cơ quan có thẩm quyền theo quy định và trường hợp hoàn thuế GTGT theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

4.2.7. ĐĂNG KÝ – KÊ KHAI THUẾ



Đăng ký thuế là công việc đầu tiên mà cơ sở kinh doanh phải thực hiện.

- Các CSKD kể cả đơn vị, chi nhánh, cửa hàng trực thuộc CSKD chính phải đăng ký thuế với cơ quan thuế về địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, lao động, tiền vốn...theo hướng dẫn của cơ quan thuế.
- Các CSKD đã đăng ký thuế nếu có thay đổi ngành nghề kinh doanh, sáp nhập, giải thể, hợp nhất... phải đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

4.2.7. ĐĂNG KÝ – KÊ KHAI THUẾ



- Cơ sở hoạt động sản xuất ở một địa phương này nhưng có trụ sở, văn phòng giao dịch làm thủ tục bán hàng ở một địa phương khác thì cơ sở bán hàng phải đăng ký thuế GTGT với cơ quan thuế địa phương nơi bán hàng.
- Những cơ sở kinh doanh thương nghiệp, dịch vụ có chi nhánh cửa hàng ở các địa phương khác nhau thì từng chi nhánh, cửa hàng phải đăng ký thuế với cơ quan thuế địa phương nơi đặt chi nhánh..
- Cơ sở xây dựng phải đăng ký thuế với cơ quan thuế địa phương nơi đóng trụ sở, đồng thời phải đăng ký với cơ quan thuế địa phương nơi xây dựng công trình.

4.2.7. ĐĂNG KÝ – KÊ KHAI THUẾ



- Cơ sở thực hiện cơ chế khoán cho tập thể cá nhân kinh doanh theo phương thức tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh thì tập thể cá nhân phải trực tiếp đăng ký, kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế nơi kinh doanh.
- Về việc cấp mã cho đối tượng nộp thuế: các cơ sở kinh doanh đã thực hiện nộp thuế với cơ quan thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm cấp mã số thuế cho cơ sở kinh doanh theo chế độ quy định về việc cấp mã số cho đối tượng nộp thuế.

4.2.7. ĐĂNG KÝ – KÊ KHAI THUẾ



Thuế GTGT được kê khai theo hai hình thức:

1. Kê khai theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý.

- Hàng tháng: tổng doanh thu của năm trước liền kề > 50 tỷ VNĐ.
- Hàng quý: tổng doanh thu của năm trước liền kề < 50 tỷ VNĐ.

2. Kê khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ nộp thuế trên cơ sở các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, như hoạt động nhập khẩu.

4.2.7. ĐĂNG KÝ – KÊ KHAI THUẾ



Hồ sơ kê khai thuế

1. Phương pháp khấu trừ:

- Tờ khai thuế GTGT – mẫu số 01/GTGT.
- Bảng kê hóa đơn chứng từ HHDV bán ra – mẫu số 01-1/GTGT.
- Bảng kê hóa đơn chứng từ HHDV mua vào – mẫu số 01-2/GTGT và các giấy tờ khác theo quy định

2. Phương pháp trực tiếp:

- Tờ khai thuế GTGT – mẫu số 03/GTGT.
- Các hóa đơn chứng từ liên quan theo quy định.

4.2.7. ĐĂNG KÝ – KÊ KHAI THUẾ



Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

- Theo tháng: chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.
- Theo quý: chậm nhất là ngày thứ 30 của quý tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.
- Theo từng lần phát sinh: chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.
- Thời gian nộp HS quyết toán theo năm: chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính (ngày 31/3)

HOÁ ĐƠN CHỨNG TỪ



- Các DN phải thực hiện đầy đủ việc mua, bán HHDV có hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định của pháp luật. Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng;
 - Hóa đơn phải được ghi đầy đủ, đúng nội dung quy định, bao gồm cả khoản phụ thu, phí thu thêm (nếu có).
 - Trường hợp bán hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT mà trên hóa đơn giá trị gia tăng không ghi khoản thuế GTGT thì thuế GTGT đầu ra được xác định bằng giá thanh toán ghi trên hóa đơn nhân với thuế suất thuế GTGT, trừ trường hợp là chứng từ đặc thù.

HOÁ ĐƠN CHỨNG TỪ



- Trường hợp thuế suất GTGT trên hóa đơn cao hơn luật định thì kê khai, khấu trừ thuế đầu vào theo mức thuế suất luật quy định
- Trong trường hợp nếu cơ sở kinh doanh bán hàng hóa mà ghi nhầm mức thuế suất trên hóa đơn thấp hơn so với quy định, mà chưa được điều chỉnh thì cơ sở bán hàng phải kê khai thuế GTGT đầu ra theo mức thuế suất quy định hiện hành cho loại hàng hóa đó.
- Trong trường hợp nếu cơ sở kinh doanh bán hàng hóa mà ghi nhầm mức thuế suất trên hóa đơn cao hơn so với quy định, mà chưa được điều chỉnh thì cơ sở bán hàng phải kê khai thuế GTGT đầu ra theo mức thuế suất ghi trên hóa đơn mua hàng

Quốc gia	TS thông thường	Thuế suất ưu đãi
Việt Nam	10%	0%, 5%
Thái Lan	7%	2.5%, 0%
Malaysia	10%	5%
Indonesia	10%	5%, 15%, 0%
Korea	10%	0%
China	17%	3%, 5%, 6%, 11%, 13%
UK	20%	0%, 5%
France	205	2,1%, 5.5%, 10%, 0%
Italya	21%	4%, 10%
Germany	19%	7%, 0%
Russian	18%	10%, 0%

4.4. CẢI CÁCH THUẾ GTGT



- Sửa đổi, bổ sung theo hướng giảm bớt số lượng nhóm HHDV không chịu thuế GTGT.
- Giảm bớt nhóm HHDV chịu thuế suất 5%
- Bổ sung quy định để xác định đúng cơ chế thu đối với một số loại HHDV mới phát sinh theo sự phát triển của KTTT.
- Nghiên cứu đến năm 2020 áp dụng cơ bản một mức thuế suất (không kể mức thuế suất 0% áp dụng đối với HHDV xuất khẩu).
- Hoàn thiện phương pháp tính thuế, tiến tới cơ bản thực hiện phương pháp khấu trừ.